

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/10/2021.

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐ-ST ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng Quắn, xã Vô Tr, huyện Lục N, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Anh YU CHING CH, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ: Số 82, đường Hòa Sơn, khóm 8, phường Hòa S, khu Đại Th, khu Đại Th, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 20/11/2020 nguyên đơn là chị

Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với Anh YU CHING CH kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Lục N ngày 20/11/2019 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn Anh YU CHING CH có về chung sống với chị tại Lục Nam khoảng 10 ngày. Sau đó vì lý do công việc anh phải quay lại Đài Loan. Trong thời gian Anh YU CHING CH ở Đài Loan, hai vợ chồng có liên hệ qua điện thoại nhưng rất ít, đến nay thì không còn liên lạc với Anh YU CHING CH được nữa. Từ khi quay trở lại Đài Loan, Anh YU CHING CH cũng không quay trở lại thăm chị. Do chị và Anh YU CHING CH trực trặc trong thời gian phỏng vấn nên chị không thể sang Đài Loan chung sống với Anh YU CHING CH được.

Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn Anh YU CHING CH.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh YU CHING CH không có bản tự khai: Ngày 03/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã có văn bản ủy thác số 36/UTTPDS-TA5 và văn bản ủy thác số 37/UTTPDS-TA5 gửi Bộ tư pháp để ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan tiến hành ủy thác Thông báo về việc thụ lý vụ án số 153/TBTL – TA ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B cho Anh YU CHING CH và ủy thác việc thu thập, cung cấp chứng cứ.

Tại Công văn số 1428/BTP-PLQT v/v kết quả ủy thác tư pháp ngày 24/5/2021 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh B thể hiện nội dung: “*Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 1100055496 ngày 27/4/2021 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý Cơ quan tại Công văn số 37/UTTPDS-TA5 ngày 03/12/2020 đối với đương sự Yu Ching Chuan có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 08/4/2021 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an.*”

Tại Công văn số 1644/BTP-PLQT v/v kết quả ủy thác tư pháp ngày 14/6/2021 của Bộ Tư pháp gửi Tòa án nhân dân tỉnh B thể hiện nội dung: “*Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 1100056695 ngày 20/5/2021 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Quý Cơ quan tại Công văn số 36/UTTPDS-TA5 ngày 03/12/2020 đối với đương sự Yu Ching Chuan có địa chỉ tại Đài Loan. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 30/4/2021 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tại đồn công an.*”

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Anh YU CHING CH vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn Anh YU CHING CH, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục như ủy thác tư pháp, nhưng Anh YU CHING CH vẫn vắng mặt không có lý do.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn Anh YU CHING CH; Về con chung và tài sản chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T.

Đối với bị đơn Anh YU CHING CH vắng mặt tại phiên tòa: Việc ủy thác tư pháp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Anh YU CHING CH đã được Tòa án Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, xét xử vắng mặt Anh YU CHING CH theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị T là công dân có địa chỉ cư trú tại Thôn Đồng Quần, xã Vô Tr, huyện Lục N, tỉnh B, hiện chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn Anh YU CHING CH. Anh YU CHING CH là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Anh YU CHING CH có hộ khẩu tại địa chỉ: Số 82, đường Hòa Sơn, khóm 8, phường Hòa S, khu Đại Th, khu Đại Th, Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và Anh YU CHING CH kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/11/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện Lục N. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn Anh YU CHING CH có về chung sống với chị tại Lục Nam khoảng 10 ngày. Sau đó vì lý do công việc anh phải quay lại Đài Loan. Trong thời gian Anh YU CHING CH ở Đài Loan, hai vợ chồng có liên hệ qua điện thoại nhưng rất ít, đến nay thì không còn liên lạc với Anh YU CHING CH được nữa. Từ khi quay trở lại Đài Loan, Anh YU CHING CH cũng không quay trở lại thăm chị. Do chị và Anh YU CHING CH trục trặc trong thời gian phỏng vấn nên chị không thể sang Đài Loan chung sống với Anh YU CHING CH được. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn Anh YU CHING CH.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Suốt một thời gian dài từ tháng 20/11/2019 đến nay chị T và Anh YU CHING CH đã không còn liên lạc với nhau, cả hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và Anh YU CHING CH đã trầm trọng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn Anh YU CHING CH.

[4]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Phạm Thị T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ Điều 151; khoản 3 Điều 153; Điều 154 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí và lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp có tổng là 3.200.000 đồng gồm: 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000823 ngày 30/11/2020 và 200.000 đồng theo Biên

lai thu tiền số AA/2018/0000822 ngày 30/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền thừa là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000823 ngày 30/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000129 ngày 11/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, chị T còn phải chịu chi phí dịch thuật theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 154; Điều 271; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn Anh YU CHING CH.

[2]. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000821 ngày 30/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí và lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp có tổng là 3.200.000đồng gồm: 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000823 ngày 30/11/2020 và 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000822 ngày 30/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền thừa là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0000823 ngày 30/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000129 ngày 11/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị T đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

- Anh YU CHING CH hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Thị T hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND huyện Lục N;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Phạm Thị Tuyết Trinh

Trần Thị Hà

